



Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ

[Việt Nam / Dệt may]

Bloomberg Code (STK VN) | Reuters Code (STK.HM)

GIỮ

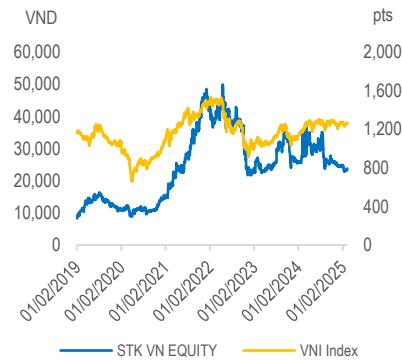
Báo Cáo Cập Nhật

Giá mục tiêu (12 tháng) VND **29,074**
Giá hiện tại (01/04/2025) VND **25,350**
Suất sinh lời (%) **15%**

VNINDEX	1,317
HNINDEX	236
Vốn hóa (tỷ VND)	2,450
SLCP lưu hành (triệu CP)	97
Tỷ do giao dịch (triệu CP)	59
52-tuần cao/thấp (VND)	36,600/21,700
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	0,05
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	1

Cổ đông lớn (%)	CTCP Đầu tư Hướng Việt	20.2
	Đặng Mỹ Linh	14.5

Biến động giá	3T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	3.3	-4.7	-25.3
So với VN-Index (%)	-0.7	-6.6	-28.1



Nguồn: Bloomberg

Trang Phạm

☎ 028 6299 8000

✉ trang.pq@shinhan.com

Thảo Nguyễn – Chuyên viên phân tích

☎ (84-28) 6299-8004

✉ thao.np@shinhan.com

Viễn cảnh rõ nét trong năm 2025

Duy trì khuyến nghị GIỮ, giá mục tiêu 29,074 đồng

CTCP Sợi Thế Kỷ (HOSE: STK) là một trong những nhà sản xuất sợi tổng hợp hàng đầu với thị phần doanh số và giá trị xuất khẩu đứng thứ ba Việt Nam. Dựa trên phương pháp P/E và DCF với tỷ trọng lần lượt là 50% và 50%, chúng tôi duy trì giá mục tiêu của STK ở mức 29,074 đồng, tương ứng mức upside 15%. Thông qua ĐHCĐ của Sợi Thế Kỷ năm 2025, chúng tôi cập nhật kết quả kinh doanh năm 2024 sau kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của STK như sau:

Cập nhật kết quả kinh doanh năm 2024

Sợi Thế Kỷ ghi nhận doanh thu thuần đạt 1,210 tỷ đồng (-15% YoY), lợi nhuận gộp đạt 163 tỷ đồng (-15% YoY). LNST công ty mẹ đạt 12 tỷ đồng (-86% YoY), được điều chỉnh giảm 73% so với trước kiểm toán do thay đổi cách hạch toán khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện từ khoản vay ngoại tệ (40 triệu USD) của dự án Unitex.

STK dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 45% cho hai năm 2023, 2024 trong năm 2025.

Triển vọng năm 2025 được đánh giá khả quan hơn so với năm 2024

Kế hoạch kinh doanh năm 2025: STK đặt mục tiêu với doanh thu thuần đạt 3,270 tỷ (+170% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 310 tỷ đồng (+ 2,398% YoY) với các động lực thúc đẩy chính như: **(1)** Nhà máy Unitex giai đoạn 1 đi vào hoạt động vào Q2/2025, nâng tổng công suất thiết kế lên 99,300 tấn/năm, **(2)** Tiềm năng từ các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và tích hợp các chức năng đặc biệt như làm mát, chống tia UV,... được ra mắt vào Q2 hoặc Q3 năm nay, **(3)** Sự kiện World Cup 2026 thúc đẩy nhu cầu sợi phục hồi trong Q2,3/2025. Chúng tôi cho rằng STK đang đặt mục tiêu kinh doanh khả tham vọng và cao hơn so với dự phóng của chúng tôi trong năm 2025 (doanh thu thuần đạt 2,451 tỷ đồng và NPAT – Mi đạt 256 tỷ đồng).

Tiến độ dự án Unitex: Hiện tại, nhà máy Unitex GĐ 1 đang trong giai đoạn chờ cơ quan chức năng nghiệm thu PCCC, chuẩn bị vận hành chính thức vào Q2/2025 với công suất 36,000 tấn/năm và dần mở rộng năng lực sản xuất trong giai đoạn 2026-2028. Công ty dự kiến nhà máy hoạt động 60% công suất và dự án này sẽ chiếm khoảng 35% tổng doanh thu trong năm 2025. Chúng tôi kỳ vọng sau khi nhà máy Unitex GĐ1 đi vào hoạt động, doanh thu và lợi nhuận ròng của STK sẽ tăng lần lượt 45% và 36% so với trung bình 5 năm gần nhất.

Tiềm năng các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và tích hợp các chức năng đặc biệt như làm mát, chống tia UV, chống tĩnh điện, hấp thụ ẩm và khô nhanh,... được ra mắt vào Q2,3/2025. Chúng tôi kỳ vọng các dòng sản phẩm mới này sẽ giúp STK tăng đơn hàng mới và cải thiện biên lợi nhuận gộp nhờ lợi thế tiên phong trên thị trường nội địa cho phép định giá bán cao.

Rủi ro: **(1)** Rủi ro nhu cầu hồi phục không được như kỳ vọng; **(2)** Rủi ro biến động giá dầu; **(3)** Rủi ro bán phá giá từ Trung Quốc; **(4)** Rủi ro tỷ giá tăng.

Năm	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu (tỷ VND)	2,115	1,425	1,210	2,451	2,766
LN từ HĐKD (tỷ VND)	290	89	26	313	404
LNST (tỷ VND)	242	88	12	256	349
EPS (đồng)	3,341	933	130	2,328	3,165
BPS (đồng)	18,267	16,856	17,668	18,263	20,267
Biên LN HĐKD (%)	13.7	7.9	8.1	12.8	14.6
Biên LNST (%)	11.5	6.2	1.0	10.5	12.6
ROE (%)	15.7	5.4	0.7	11.2	14.0
PER (x)	11.7	30.5	203.8	11.4	8.4
PBR (x)	2.5	1.6	1.5	1.5	1.3
EV/EBITDA (x)	7.9	17.6	45.6	11.9	9.7

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam



Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does and seeks to do business with companies covered in its research reports. As a result, investors should be aware that the firm may have a conflict of interest that could affect the objectivity of this report. Investors should consider this report as only a single factor in making their investment decision. Analysts employed by Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd., or a non-US affiliate thereof, are not registered/qualified as research analysts with FINRA, may not be associated persons of the member and may not be subject to FINRA restrictions on communications with a subject company, public appearances and trading securities held by a research analyst account. For analyst certification and important disclosures, refer to the [Compliance & Disclosure Notice at the end of this report](#).

Cập nhật KQKD năm 2024

Khoản mục	2023	2024	Chú thích
Doanh thu thuần (tỷ VND)	1,425	1,210	Doanh thu thuần năm 2024 giảm do chịu tác động từ nhu cầu sợi suy yếu, lượng đơn hàng không cải thiện, dẫn đến doanh số bán hàng giảm.
Tăng trưởng (%YoY)		-15	
Sợi tái chế (tỷ VND)	705	539	
Sợi nguyên sinh (tỷ VND)	720	671	
Lợi nhuận gộp (tỷ VND)	192	163	Lợi nhuận gộp năm 2024 giảm do giá nguyên liệu đầu vào biến động và tăng chi phí sửa chữa máy móc ở khâu đóng gói và kiểm định chất lượng.
Tăng trưởng (%YoY)		-15	
Biên lợi nhuận gộp (%)	13	13	
Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)	91	19	LNST năm 2024 giảm mạnh do ảnh hưởng lớn từ lỗ chênh lệch tỷ giá và đơn đặt hàng giảm.
Tăng trưởng (%YoY)		-79	
LNST công ty mẹ (tỷ VND)	88	12	
Tăng trưởng (%YoY)		-86	

Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2025

Triển vọng doanh thu, lợi nhuận của STK (2024-2025F)			
	2024	2025F	Chú thích
Doanh thu thuần (tỷ VND)	1,210	2,451	Chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần năm 2025 của STK sẽ tăng trưởng nhờ nhu cầu hồi phục, nhà máy Unitex GD1 đi vào hoạt động và tiềm năng từ các sản phẩm mới có tính năng đặc biệt được đưa ra thị trường.
Tăng trưởng (% YoY)	-15	102	
Sợi tái chế (tỷ VND)	539	1,806	Chúng tôi giả định tỷ trọng doanh thu mảng sợi tái chế sẽ tăng trong năm 2025, chiếm khoảng 74% tổng doanh thu do phù hợp với định hướng của công ty và xu thế xanh của thế giới. Đồng thời, chúng tôi dự phóng sản lượng và giá bán của sợi tái chế lần lượt tăng 204% và 2% nhờ nhu cầu sợi tái chế tăng và nguồn cung hạn chế.
Tăng trưởng (% YoY)	-23	234	
Sợi nguyên sinh (tỷ VND)	671	645	Bên cạnh đó, chúng tôi dự kiến tỷ trọng doanh thu mảng sợi nguyên sinh sẽ giảm do nhu cầu giảm và sự cạnh tranh gay gắt từ đối thủ FDI như Billion.
Tăng trưởng (% YoY)	-8	-4	
Lợi nhuận gộp (tỷ VND)	163	390	Chúng tôi dự kiến lợi nhuận gộp năm 2025 của STK sẽ tăng 139% YoY nhờ giá hạt nhựa PET tái chế duy trì ở mức thấp và chi phí sản xuất giảm.
Biên lợi nhuận gộp (%)	13	16	
Sợi tái chế (%)	20	24	
Sợi nguyên sinh (%)	5	7	
Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)	19	264	
LNST của CĐ cty mẹ (tỷ VND)	12	257	
Tăng trưởng (% YoY)	-86	2,021	

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Định giá và Khuyến nghị

Cập nhật với khuyến nghị GIỮ, giá mục tiêu 29,074 đồng

Chúng tôi áp dụng phương pháp P/E và DCF để định giá STK. Chúng tôi khuyến nghị GIỮ và giá mục tiêu đạt 29,074 đồng tương ứng với mức tăng 15%.

Phương pháp định giá

Chúng tôi áp dụng kết hợp phương pháp định giá P/E và Chiết khấu dòng tiền (FCFF) với tỷ trọng lần lượt là 50% và 50% để định giá CTCP Sợi Thế Kỷ.

Phương pháp	Tỷ trọng	Giá (VND)
P/E	50%	29,528
FCFF	50%	28,631
Giá mục tiêu		29,074
Giá hiện tại		25,350
Tỷ suất sinh lời (%)		15%

Phương pháp Chiết khấu dòng tiền (DCF) – FCFF

Biến	Giá trị
D/E	64%
Beta	1.3
Lãi suất phi rủi ro	3.1%
Chi phí sử dụng vốn	14%
Chi phí nợ	6%
WACC	12%

Mô hình định giá FCFF của STK

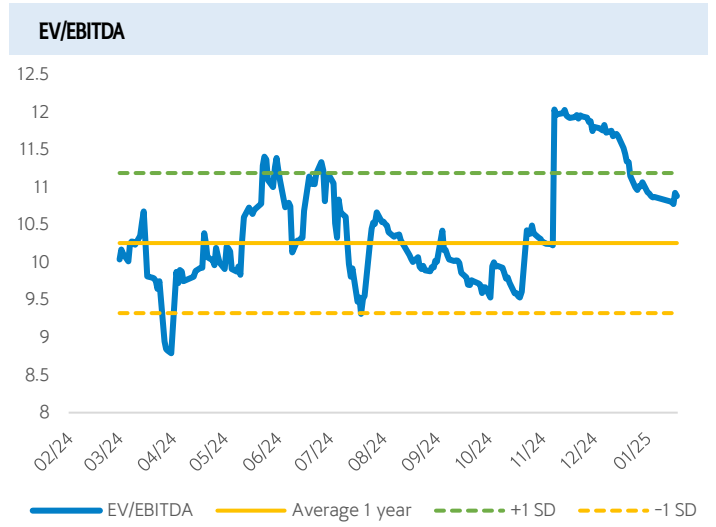
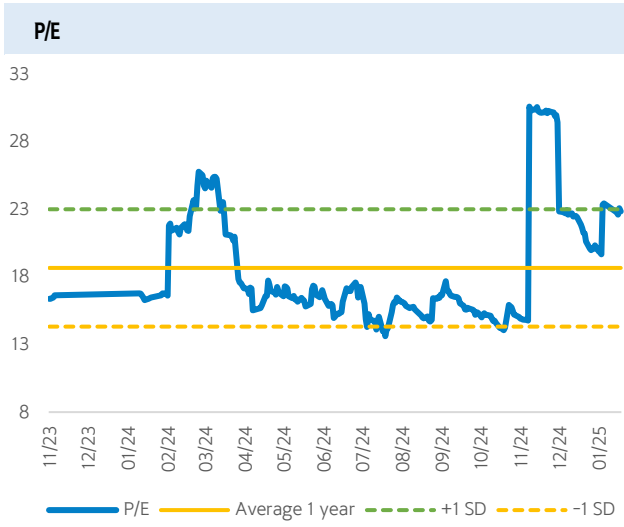
Đơn vị: tỷ VND	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F
LN ròng	256	349	553	794	999
+ Lãi vay sau thuế	17	18	8	16	14
+ Khấu hao	116	107	124	165	168
- Thay đổi vốn lưu động	93	165	296	65	50
- Vốn đầu tư	400	200	1,200	9	9
Dòng tiền tự do (FCFF)	-104	108	-811	900	1,122
Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do	625				
Tốc độ tăng trưởng dài hạn	2%				
Giá trị hiện tại của giá trị dài hạn	3,686				
Giá trị doanh nghiệp	4,311				
- Nợ	1,650				
+ Tiền và tương đương tiền	106				
Giá trị vốn chủ sở hữu	2,767				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu đơn vị)	96.6				
Giá mục tiêu (đồng/cổ phiếu)	28,631				

Nguồn: Dữ liệu công ty, Chứng khoán Shinhan Việt Nam

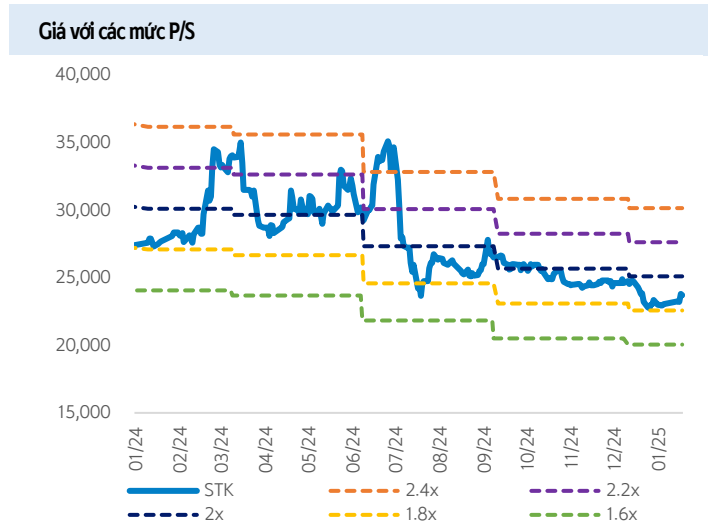
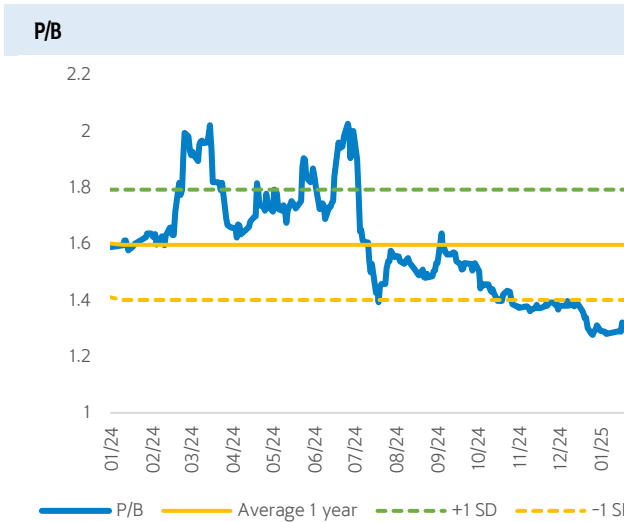
Phương pháp P/E

Dựa trên phương pháp P/E, chúng tôi thu thập dữ liệu từ quá khứ trong vòng 5 năm của STK. Chúng tôi tính trung bình P/E 5 năm kết hợp với ước tính EPS dự phóng 2025 ở mức 2,328 đồng. Từ đó, giá mục tiêu của STK được định giá ở mức 29,528 đồng.

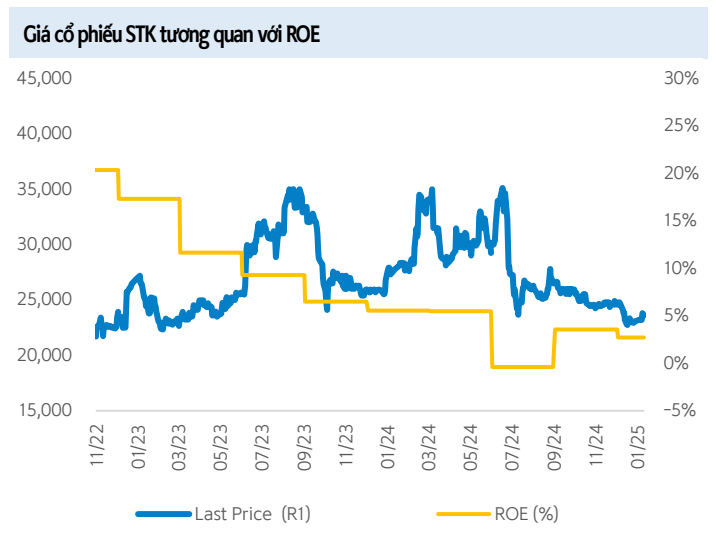
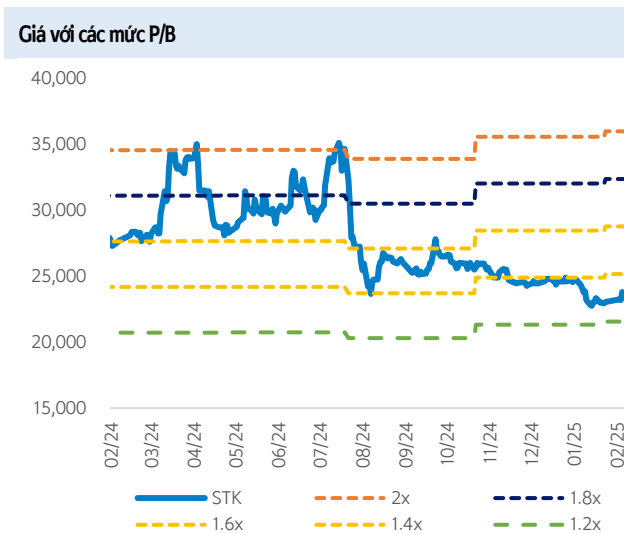
Year	P/E Mean
2019	5.6
2020	10.0
2021	13.9
2022	8.0
2023	26.0
P/E mục tiêu	12.7
Giá mục tiêu (VND)	29,528



Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

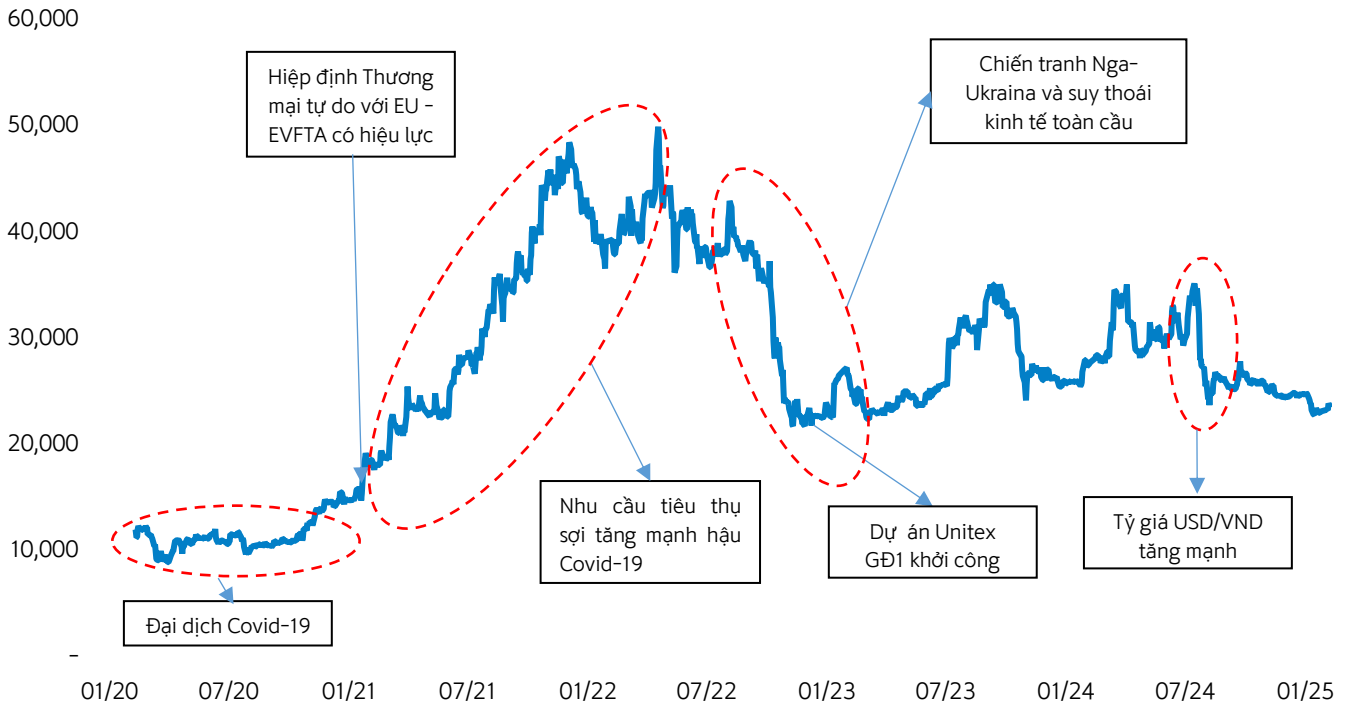


Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam



Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Những sự kiện quan trọng của STK



Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

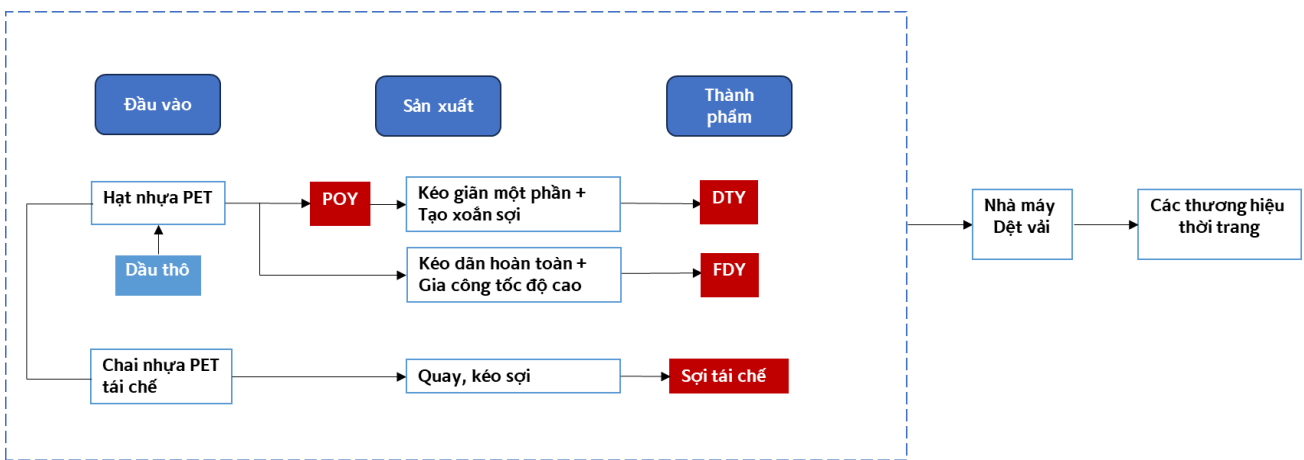
Tổng quan doanh nghiệp

Lịch sử hình thành doanh nghiệp

CTCP Sợi Thế kỳ được thành lập vào năm 2000 với tiền thân là Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại Thế kỳ. Ngày 30/9/2015, Sợi Thế Kỳ chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán STK.

STK là một trong những nhà sản xuất sợi tổng hợp hàng đầu với thị phần doanh số và giá trị xuất khẩu đứng thứ ba Việt Nam. Sản phẩm chính của công ty là các loại sợi tơ tổng hợp Polyester Filament bao gồm sợi DTY (Drawn Textured Yarn)*, sợi FDY (Fully Drawn Yarn)* và sợi tái chế. Trong đó, STK nổi bật với việc sản xuất sợi tái chế cùng công nghệ Chips Spinning*, chiếm khoảng 50% doanh thu của toàn công ty. (*xem thêm ở phụ lục Phân biệt các loại sợi và công nghệ Chips Spinning).

Chuỗi giá trị của Sợi Thế Kỳ

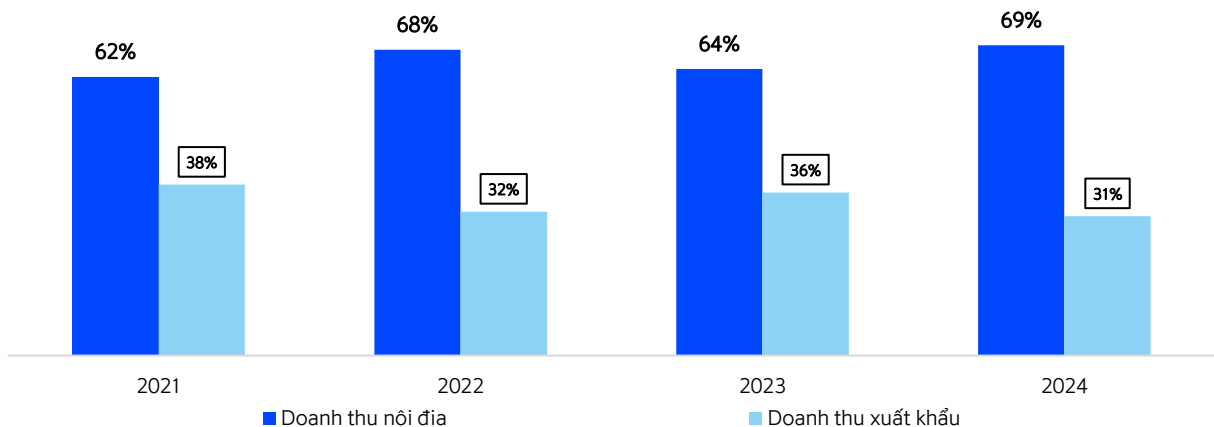


Nguồn: Báo cáo công ty, Chứng khoán Shinhan Việt Nam

STK nằm ở thượng nguồn chuỗi giá trị ngành Dệt may, đóng vai trò cung cấp nguyên liệu sản xuất cho các doanh nghiệp ở trung và hạ nguồn. Nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp hoàn toàn nhập khẩu: Hạt nhựa PET từ Trung Quốc và chai nhựa PET tái chế ký kết lâu dài với đối tác nước ngoài duy nhất là Unifi (Hoa Kỳ). (xem Chuỗi giá trị ngành Dệt may ở Phụ lục)

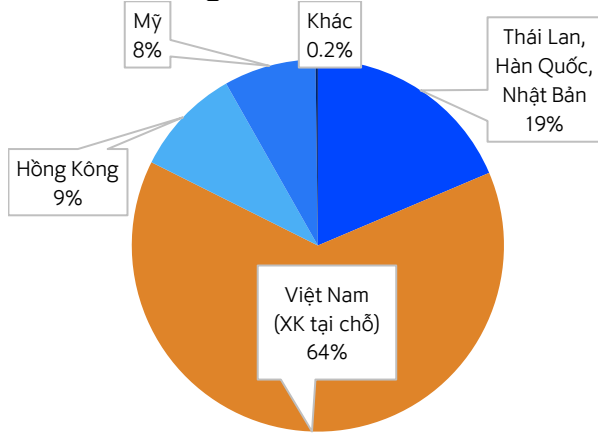
Khách hàng chính của Sợi Thế Kỳ là các doanh nghiệp FDI (chiếm 70%) đặt nhà máy tại Việt Nam và các nhà máy dệt có trụ sở tại Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản (chiếm 17%). Ngoài ra, công ty cũng cung cấp trực tiếp sản phẩm cho các thương hiệu đồ thể thao hàng đầu như Nike, Adidas, Lululemon,...

Tỷ trọng doanh thu xuất khẩu và doanh thu nội địa trên tổng doanh thu

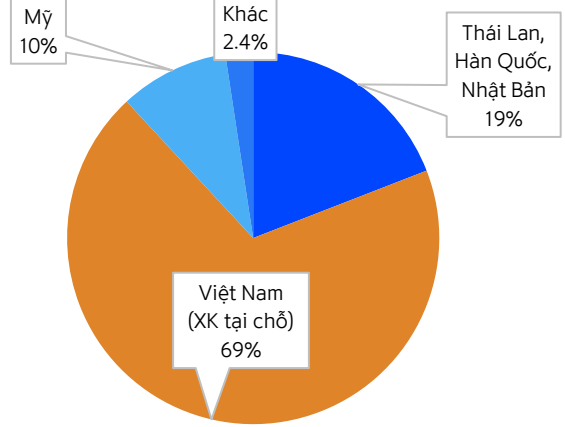


Nguồn: Báo cáo công ty, Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Cơ cấu thị trường xuất khẩu năm 2023 của STK

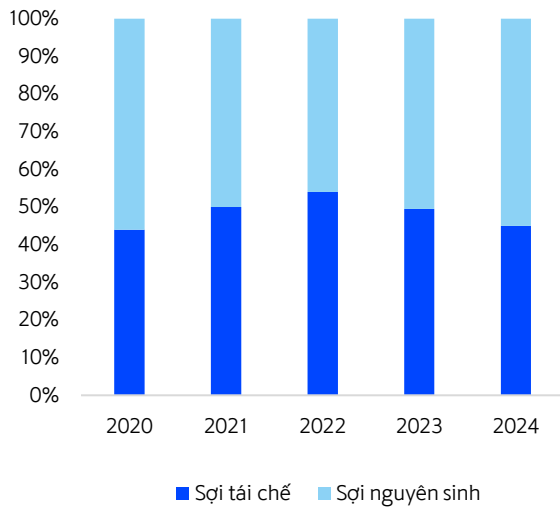


Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2024 của STK

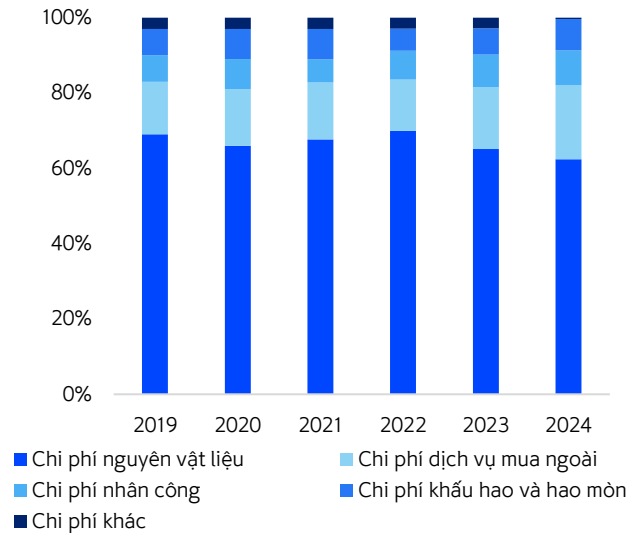


Nguồn: Báo cáo công ty, Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Cơ cấu doanh thu của STK 2019 - 2024

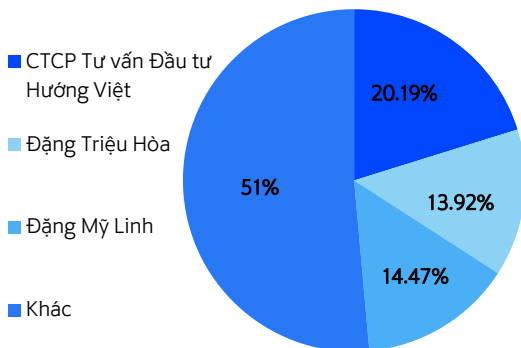


Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của STK

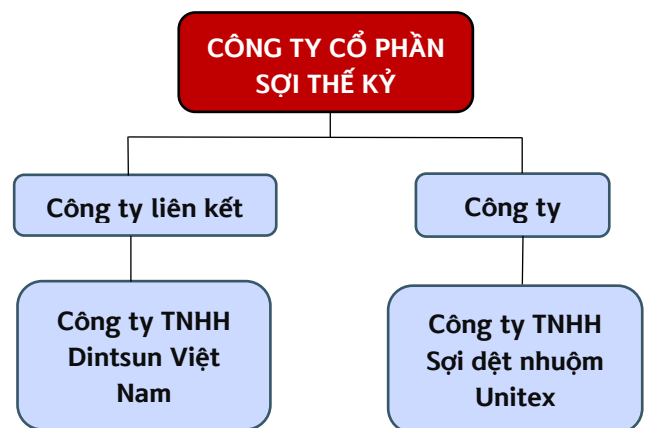


Nguồn: Báo cáo công ty, Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 01/04/2025



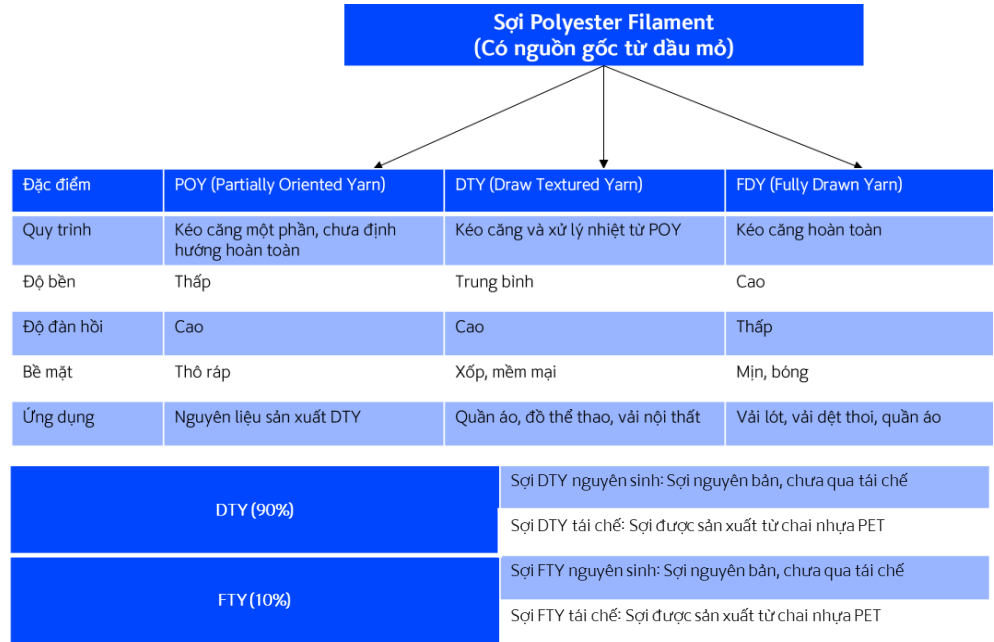
Cơ cấu tổ chức



Nguồn: Báo cáo công ty, Chứng khoán Shinhan Việt Nam

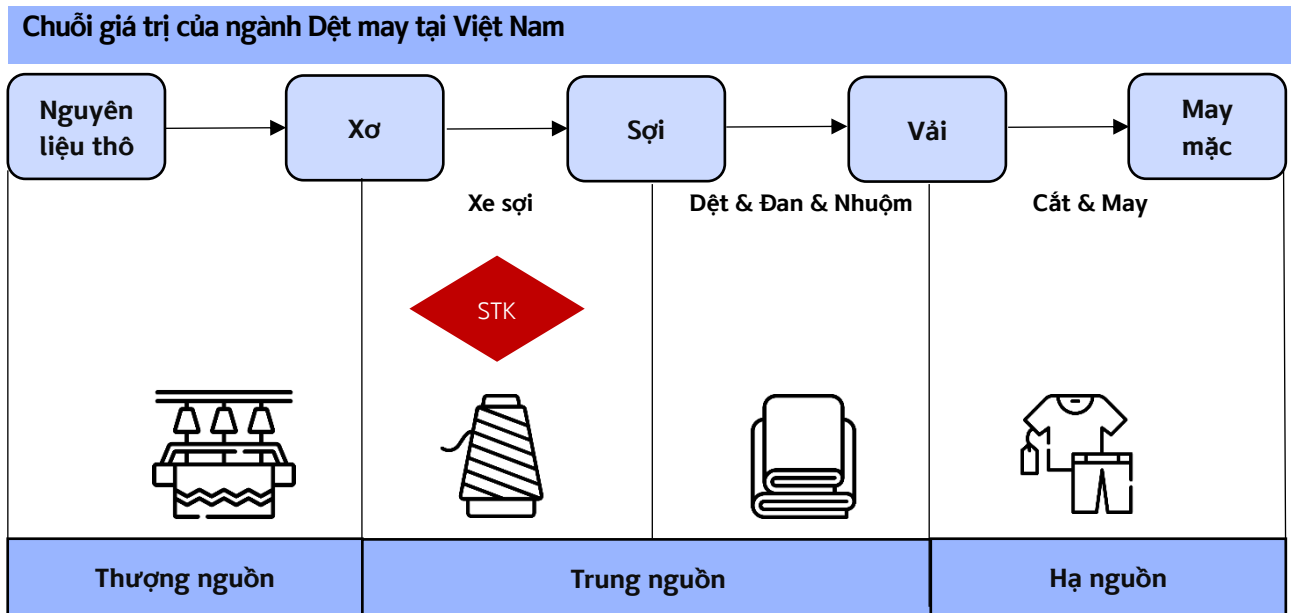
Phụ lục

Phân biệt các loại sợi



Nguồn: Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Chuỗi giá trị của ngành Dệt may tại Việt Nam



Nguồn: Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Công nghệ Chips Spinning và Công nghệ Direct Spinning

	Chips Spinning	Direct Spinning
Định nghĩa	Là công nghệ sản xuất sợi tổng hợp từ nhựa polymer	Là công nghệ sản xuất sợi tổng hợp từ nhựa polymer
Đầu vào	Hạt nhựa PET	Dòng dung dịch polymer
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư vốn theo từng giai đoạn => Vốn đầu tư ban đầu thấp - Linh hoạt chuyển đổi sản xuất sợi tái chế và sợi nguyên sinh. - Có thể sản xuất các sản phẩm sợi tái chế, sợi màu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất lớn. - Chi phí sản xuất giá rẻ. - Thời gian sản xuất ngắn.
Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất nhỏ - Thời gian sản xuất dài hơn. - Không tối ưu cho quy mô sản xuất lớn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí vốn đầu tư ban đầu lớn. - Ít linh hoạt trong sản xuất. - Không sản xuất được các sản phẩm sợi tái chế, sợi màu.

Phụ lục: Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

Năm (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025F	2026F
Tổng tài sản	2,125	2,974	3,811	4,020	4,560
Tài sản ngắn hạn	1,200	1,396	997	1,252	1,916
Tiền và tương đương tiền	235	109	106	240	530
Đầu tư TC ngắn hạn	180	54	-	-	-
Các khoản phải thu	226	450	105	203	216
Hàng tồn kho	466	615	616	690	911
Tài sản khác	93	167	170	119	259
Tài sản dài hạn	925	1,578	2,814	2,768	2,644
Tài sản cố định	731	642	561	2,170	2,232
Chi phí xây dựng dở dang	41	783	2,111	400	200
Đầu tư TC dài hạn	14	14	14	14	14
Tài sản khác	140	139	128	184	198
Tổng nợ	584	1,345	2,104	1,741	2,079
Nợ ngắn hạn	584	936	1,311	1,101	1,291
Khoản phải trả	220	238	378	365	420
Người mua trả tiền trước	43	76	71	167	172
Vay và nợ thuê tài chính	308	610	858	565	695
Khác	7	5	4	4	4
Nợ dài hạn	-	409	793	640	788
Vay và nợ thuê tài chính	-	409	793	640	788
Khác	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	1,541	1,629	1,707	2,279	2,481
Vốn góp chủ sở hữu	844	966	966	1,127	1,127
Thặng dư vốn	41	41	64	186	186
Lợi nhuận giữ lại	698	663	675	966	1,168
Vốn khác	-	-	-	-	-
Lợi ích CĐ không kiểm soát	-	-	-	-	-
*Tổng nợ	308	1,019	1,650	1,205	1,483
*Nợ ròng (tiền)	73	909	1,544	965	953

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Lưu chuyển tiền tệ

Năm (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025F	2026F
Tiền từ HĐKD	212	(14)	287	465	621
Lợi nhuận ròng	242	88	19	256	349
Khấu hao TSCĐ	106	92	93	116	107
(Lãi) từ HĐ đầu tư	-	-	-	-	-
Thay đổi vốn lưu động	(136)	(194)	175	93	165
Thay đổi khác	-	-	-	-	-
Tiền từ HĐ đầu tư	(352)	(813)	(881)	(52)	(13)
Thay đổi tài sản cố định	(189)	(950)	(935)	(52)	(13)
Thay đổi tài sản đầu tư	(163)	137	54	-	-
Thay đổi khác	-	-	-	-	-
Tiền từ HĐ tài chính	10	701	591	(278)	(318)
Thay đổi vốn cổ phần	142	-	-	-	-
Tiền đi vay/(trả) nợ	(30)	701	591	(278)	(195)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH	(102)	-	-	-	(123)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(130)	(126)	(3)	135	290
Tổng tiền đầu năm	366	235	109	106	240
Thay đổi trong tỷ giá	(0.8)	-	(1.0)	(0.5)	(0.3)
Tổng tiền cuối năm	235	109	106	240	530

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	2,115	1,425	1,210	2,451	2,766
Tăng trưởng (%)	3.5	(32.6)	(15.1)	102.5	12.9
Giá vốn hàng bán	(1,741)	(1,233)	(1,047)	(2,061)	(2,255)
Lợi nhuận gộp	373	192	163	390	511
Biên lợi nhuận gộp (%)	17.7	13.5	13.5	15.9	18.5
Chi phí BH & QLDN	(64)	(60)	(65)	(77)	(107)
LN từ HĐKD	271	89	26	313	404
Tăng trưởng (%)	(1.9)	(67.1)	(71.3)	1,126.0	29.0
Biên LN từ HĐKD (%)	12.8	6.2	2.1	12.8	14.6
LN khác	(20)	(21)	(80)	(49)	(48)
Thu nhập tài chính	29	31	13	29	38
Chi phí tài chính	(48)	(54)	(86)	(81)	(84)
Trong đó: Chi phí lãi vay	(9)	(17)	(17)	(18)	(20)
Lợi nhuận ròng từ HĐKD khác	(1)	2	(7)	2	(1)
LNTT	269	91	19	264	356
Thuế TNDN	(27)	(3)	(7)	(7)	(7)
LNST	242	88	12	257	349
Tăng trưởng (%)	(13.0)	(63.8)	(86.2)	2,021.3	35.4
Biên lợi nhuận ròng (%)	11.5	6.2	1.0	10.5	12.6
LNST cổ đông công ty mẹ	242	88	12	257	349
Lợi ích CĐTS	-	-	-	-	-
LN trước thuế và lãi vay	260	74	2	245	336
Tăng trưởng (%)	(56.3)	(71.7)	(97.6)	13,738.9	37.1
Biên LN (%)	12.3	5.2	0.1	10.0	12.2
LN trước thuế, lãi vay và khấu hao	367	166	95	361	443
Tăng trưởng (%)	(6.2)	(54.9)	(42.9)	281.9	22.7
Biên LN (%)	17.3	11.6	7.8	14.7	16.0

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

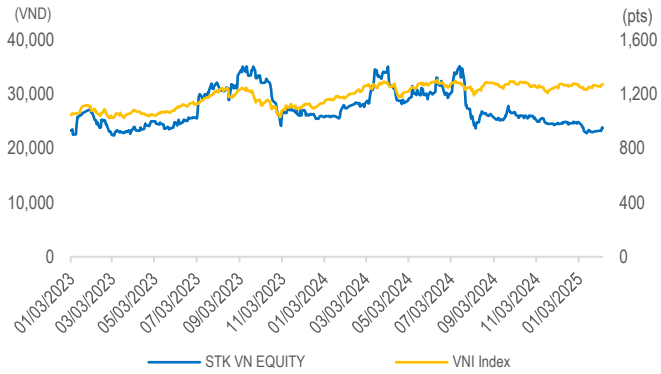
Chỉ số tài chính

Năm	2022	2023	2024	2025F	2026F
EPS (đồng)	3,341	933	130	2,328	3,165
BPS (đồng)	18,267	16,856	17,668	18,263	20,267
DPS (đồng)	1,500	-	-	-	1,500
PER (x)	11.7	30.5	203.8	11.4	8.4
PBR (x)	2.5	1.6	1.5	1.5	1.3
EV/EBITDA (x)	7.9	17.6	45.6	11.9	9.7
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	44.9	-	-	-	47.4
Lãi cổ tức (%)	5.2	-	-	-	5.2
Khả năng sinh lời					
Biên EBITDA (%)	17.3	11.6	7.8	14.7	16.0
Biên LN từ HĐKD (%)	13.7	7.9	8.1	12.8	14.6
Biên LNST (%)	11.5	6.2	1.0	10.5	12.6
ROA (%)	11.4	3.0	0.3	6.4	7.6
ROE (%)	15.7	5.4	0.7	11.2	14.0
Khả năng tài chính					
Nợ vay / Vốn chủ sở hữu (%)	20.0	62.5	96.6	52.9	59.8
Tỷ số thanh toán tiền mặt (%)	40.3	11.7	8.1	21.8	41.0
Khả năng thanh toán lãi vay (x)	28.5	4.2	0.1	13.3	17.0
Hiệu quả hoạt động (%)					
Số ngày vốn lưu động (ngày)	171	317	422	216	252
Số ngày hàng tồn kho (ngày)	98	160	215	121	130
Số ngày khoản phải thu (ngày)	27	87	84	23	41

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ (STK)

Biến động giá cổ phiếu



Giá mục tiêu (VNĐ)



Ngày	Khuyến nghị	Giá mục tiêu (VNĐ)	Khoảng giá MT (%)	
			TB	Max/Min
10/12/2024 (BC lần đầu)	MUA	28,544	11.4	-22.0/44.2
18/02/2025 (BC cập nhật)	GIỮ	29,074	6.6	-20.6/34.0
01/04/2025 (BC cập nhật)	GIỮ	29,074	6.8	-20.6/34.0

Lưu ý: Tính toán chênh lệnh giá mục tiêu dựa trên 12 tháng qua

Shinhan Securities Vietnam

Cổ phiếu

- ♦ **MUA:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ 15% trở lên
- ♦ **GIỮ:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ -15% đến 15%
- ♦ **BÁN:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng thấp hơn -15%

Ngành

- ♦ **TÍCH CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị MUA
- ♦ **TRUNG LẬP:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị GIỮ
- ♦ **TIÊU CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị BÁN

Compliance & Disclosure Notice

Analyst Certification

- ◆ The following analysts hereby certify that their views about the companies and securities discussed in this report are accurately expressed and that they have not received and will not receive direct or indirect compensation in exchange for expressing specific recommendations or views in this report: Trang Pham

Important Disclosures & Disclaimers

- ◆ As of the date of publication, Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does not beneficially own 1% or more of any class of common equity securities of the following companies mentioned in this report: STK VN
- ◆ Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or one of its affiliates, and/or their respective officers, directors, or employees may have interests, or long or short positions, and may at any time make purchases or sales as a principal or agent of the securities of the companies mentioned in this report.
- ◆ As of the date of publication, research analysts responsible for this report and members of their households do not have any financial interest in the debt or equity securities of the companies mentioned in this report.
- ◆ Research analysts responsible for this report receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. including profits derived from investment banking. The analysts responsible for this report may also receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of sales and trading businesses relating to the class of securities or financial instruments for which such analysts are responsible.
- ◆ All opinions and estimates regarding the companies and their securities are accurate representations of the research analysts' judgments and may differ from actual results.
- ◆ This report is intended to provide information to assist investment decisions only, and should not be used or construed as an offer or a solicitation of an offer to buy or sell any securities. The information herein has been obtained from sources deemed reliable, but such information has not been independently verified and no guarantee, representation, or warranty, expressed or implied, is made as to its accuracy, completeness, or correctness. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. makes the best effort but does not guarantee the accuracy, completeness, or correctness of information and opinions translated into English from original Vietnamese language materials. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. accepts no liability whatsoever for any direct, indirect, and/or consequential loss arising from any use of this material or its contents. Stock selection and final investment decisions should be made at the investor's own and sole discretion.
- ◆ This report is distributed to our customers only, and any unauthorized use, duplication, or redistribution of this report is strictly prohibited.
- ◆ Investing in any Vietnamese securities or related financial instruments discussed in this research report may present certain risks. The securities of Vietnamese issuers may not be registered with, or be subject to the regulations of, the US Securities and Exchange Commission. Information on Vietnamese securities or related financial instruments may be limited. Foreign companies may not be subject to audit and reporting standards and regulatory requirements comparable to those in effect within the US. The value of any investment or income from any securities or related financial instruments discussed in this research report denominated in currencies other than the Vietnamese won is subject to exchange rate fluctuations that may have a positive or adverse effect on the value of or income from such securities or related financial instruments.

Distribution

- ◆ United States: This report is distributed in the US by Shinhan Investment America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major US institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) of the US Securities Exchange Act of 1934. All US persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are major US institutional investors and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any US recipient of this document wishing to effect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Shinhan Investment America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the US. The securities described herein may not have been registered under the US Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the US or to US persons unless they have been registered or are in compliance with an exemption from registration requirements.
- ◆ All Other Jurisdictions: Customers in all other countries who wish to effect a transaction in any securities referenced in this report should contact Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates only if distribution to or use by such customer of this report would not violate applicable laws and regulations and not subject Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. and its affiliates to any registration or licensing requirement within such jurisdiction.



Shinhan Investment Network

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongsongpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

Hong Kong

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

Indonesia

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

Shanghai

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiuzui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

Ho Chi Minh

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang, Thu Thiem Ward,
Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

Ha Noi

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000